

TÊN _____

17 Câu hỏi ghép thẻ

- | | |
|--|--|
| 1. _____ (n) cơ hội | A. a great example of something |
| 2. _____ công tác xã hội | B. an extended period of time |
| 3. _____ (adj) vô tận, bất tận | C. career |
| 4. _____ có sự gắn kết cá nhân với điều gì | D. opportunity |
| 5. _____ một khoảng thời gian dài | E. very few people |
| 6. _____ biến nơi đó thành một nơi tốt đẹp hơn | F. health care |
| 7. _____ sự chăm sóc y tế | G. abroad |
| 8. _____ rất ít người | H. have a personal attachment to something |
| 9. _____ (n) sự nghiệp | I. benefit from |
| 10. _____ có khả năng làm gì | J. indeed |
| 11. _____ (adv) thật vậy, quả thật | K. in their community |
| 12. _____ một ví dụ điển hình cho điều gì | L. make it a better place |
| 13. _____ (v) được hưởng lợi từ | M. be able to do something |
| | N. social work |
| | O. there's no need to do something |
| | P. endless |
| | Q. turn something into something |

14. _____ không cần thiết phải làm
_____ gì
15. _____ trong cộng đồng của họ
16. _____ (adv) ra nước ngoài, ở
_____ nước ngoài
17. _____ biến điều gì thành điều gì

Xem đáp án